

|             | 4   | Cơm trắng                       | Gạo tẻ                 | 110            | 18,000  | 1,980         |             |              |               |
|-------------|-----|---------------------------------|------------------------|----------------|---------|---------------|-------------|--------------|---------------|
|             | 5   |                                 | Rau thơm               | 2.75           | 35,000  | 96            |             |              |               |
|             | 6   |                                 | Gia vị các loại        | 10             | 100,000 | 1,000         |             |              |               |
|             |     | <b>Tổng</b>                     |                        |                |         | <b>15,218</b> |             | <b>4,782</b> | <b>20,000</b> |
| Thứ/ngày    | STT | Món ăn                          | Diễn giải              | Định lượng(gr) | Đơn giá | Thành Tiền    | Chi phí phụ |              | TỔNG          |
| Thứ 5/25-09 | 1   | Tôm chiên ( 3 con)              | Tôm                    | 40             | 200,000 | 8,000         | Chất đốt    | 1,000        |               |
|             | 2   | Trứng xốt cà chua               | Trứng xốt cà chua      | 35             | 60,000  | 2,100         | Nhân công   | 2,000        |               |
|             |     |                                 | Cà chua                | 10             | 20,000  | 200           | Thuế        | 1,482        |               |
|             | 3   | Canh khoai tây cà rốt nấu xương | Khoai tây              | 55             | 18,000  | 990           | Khấu hao    | 300          |               |
|             |     |                                 | Xương lợn              | 10             | 85,000  | 850           |             |              |               |
|             | 4   | Cơm trắng                       | Gạo tẻ                 | 110            | 18,000  | 1,980         |             |              |               |
|             | 5   |                                 | Rau thơm               | 2.8            | 35,000  | 98            |             |              |               |
|             | 6   |                                 | Gia vị các loại        | 10             | 100,000 | 1,000         |             |              |               |
|             |     | <b>Tổng</b>                     |                        |                |         | <b>15,218</b> |             | <b>4,782</b> | <b>20,000</b> |
| Thứ/ngày    | STT | Món ăn                          | Diễn giải              | Định lượng(gr) | Đơn giá | Thành Tiền    | Chi phí phụ |              | TỔNG          |
| Thứ 6/26-09 | 1   | Thịt băm rang                   | Thịt săn mông vai thăn | 67             | 125,000 | 8,375         | Chất đốt    | 1,000        |               |
|             | 2   | Đậu xốt cà chua                 | Đậu xốt                | 50             | 32,000  | 1,600         | Nhân công   | 2,000        |               |
|             |     |                                 | Cà chua                | 12             | 20,000  | 240           | Thuế        | 1,482        |               |
|             | 3   | Canh rau cải nấu thịt           | Rau cải ngọt           | 36             | 18,000  | 648           | Khấu hao    | 300          |               |
|             |     |                                 | Thịt nạc xay           | 10             | 125,000 | 1,250         |             |              |               |
|             | 4   | Cơm trắng                       | Gạo tẻ                 | 110            | 18,000  | 1,980         |             |              |               |
|             | 5   |                                 | Rau thơm               | 3.56           | 35,000  | 125           |             |              |               |
|             | 6   |                                 | Gia vị các loại        | 10             | 100,000 | 1,000         |             |              |               |
|             |     | <b>Tổng</b>                     |                        |                |         | <b>15,218</b> |             | <b>4,782</b> | <b>20,000</b> |

Hiệu Trưởng Duyệt

Người Lập Thực Đơn  
 TNHH THỰC PHẨM  
 MẠNH YÊN  
 THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
 Nguyễn Thị Hải Yến

|                   |         |
|-------------------|---------|
| Tổng tiền         | 100,000 |
| 5 ngày            | 5       |
| thành tiền 1 suất | 20,000  |

**THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 04 NĂM HỌC 2025 - 2026**

Từ ngày 22/09/2025 đến ngày 26/09/2026

Tuần 4 tháng 9 năm học 2025-2026

| Thứ/ngày     | STT | Món ăn                 | Diễn giải       | Định lượng(gr) | Đơn giá | Thành Tiền    | Chi phí phụ |              | TỔNG          |
|--------------|-----|------------------------|-----------------|----------------|---------|---------------|-------------|--------------|---------------|
| Thứ 2/22-09  | 1   | Thịt kho tàu           | Thịt mỡ sấn     | 67             | 125,000 | 8,375         | Chất đốt    | 1,000        |               |
|              | 2   | Khoai tây xào thịt     | Khoai tây       | 60             | 18,000  | 1,080         | Nhân công   | 2,000        |               |
|              |     |                        | Thịt mỡ sấn     | 9              | 125,000 | 1,125         | Thuế        | 1,482        |               |
|              | 3   | Canh mồng tơi nấu tép  | Mồng tơi        | 35             | 18,000  | 630           | Khấu hao    | 300          |               |
|              |     |                        | Tép             | 6              | 145,000 | 870           |             |              |               |
|              | 4   | Cơm trắng              | Gạo tẻ          | 110            | 18,000  | 1,980         |             |              |               |
|              | 5   |                        | Rau thơm        | 4.5            | 35,000  | 158           |             |              |               |
|              | 6   |                        | Gia vị các loại | 10             | 100,000 | 1,000         |             |              |               |
|              |     | <b>Tổng</b>            |                 |                |         | <b>15,218</b> |             | <b>4,782</b> | <b>20,000</b> |
| Thứ/ngày     | STT | Món ăn                 | Diễn giải       | Định lượng(gr) | Đơn giá | Thành Tiền    | Chi phí phụ |              | TỔNG          |
| Thứ 3/ 23-09 | 1   | Thịt gà chiên          | Gà CN bỏ cccc   | 85             | 85,000  | 7,225         | Chất đốt    | 1,000        |               |
|              | 2   | Trứng xào              | Trứng vịt       | 35             | 60,000  | 2,100         | Nhân công   | 2,000        |               |
|              | 3   | Canh bí xanh nấu gà    | Bí xanh         | 60             | 18,000  | 1,080         | Thuế        | 1,482        |               |
|              |     |                        | Gà CN bỏ cccc   | 20             | 85,000  | 1,700         | Khấu hao    | 300          |               |
|              | 4   | Cơm trắng              | Gạo tẻ          | 110            | 18,000  | 1,980         |             |              |               |
|              | 5   |                        | Rau thơm        | 3.8            | 35,000  | 133           |             |              |               |
|              | 6   |                        | Gia vị các loại | 10             | 100,000 | 1,000         |             |              |               |
|              |     | <b>Tổng</b>            |                 |                |         | <b>15,218</b> |             | <b>4,782</b> | <b>20,000</b> |
| Thứ/ngày     | STT | Món ăn                 | Diễn giải       | Định lượng(gr) | Đơn giá | Thành Tiền    | Chi phí phụ |              | TỔNG          |
| Thứ 4/24-09  | 1   | Chả rìm                | Chả lợn         | 59             | 142,000 | 8,378         | Chất đốt    | 1,000        |               |
|              | 2   | Đậu xốt cà chua        | Đậu phụ         | 50             | 32,000  | 1,600         | Nhân công   | 2,000        |               |
|              |     |                        | Cà chua         | 10             | 20,000  | 200           | Thuế        | 1,482        |               |
|              | 3   | Canh cải thảo nấu thịt | Cải thảo        | 42             | 17,000  | 714           | Khấu hao    | 300          |               |
|              |     |                        | Thịt nạc xay    | 10             | 125,000 | 1,250         |             |              |               |